

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/3/2026.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Nguyễn Văn Giáp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Tân Thành – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:*
Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị M; Sinh ngày 15/4/1992; CCCD số: 094192016888; Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Triệu Hoàng T; Sinh ngày 01/01/1991; CCCD số: 094091016749; Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Thạch Thị M lập ngày 16/9/2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Thạch Thị M trình bày như sau: Bà Thạch Thị M và ông Triệu Hoàng T kết hôn với nhau vào năm 2015, vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 09/2015 ngày 29/01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi cho nên vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2022 đến nay.

Trong thời gian hôn nhân bà và ông T có hai người con chung tên Triệu Hoàng T1, sinh ngày 16/12/2015 và Triệu Hoàng T2, sinh ngày 20/10/2017, hiện nay cháu T1 và T2 đang sống với bà. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay bà Thạch Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà Thạch Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Triệu Hoàng T.

- Về con chung: Bà Thạch Thị M yêu cầu được nuôi hai người con chung là Triệu Hoàng T1, sinh ngày 16/12/2015 và Triệu Hoàng T2, sinh ngày 20/10/2017 đến khi thành niên, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Triệu Hoàng T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T3 Hoàng Thân nhưng ông Triệu Hoàng T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị M và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 16/9/2025, bà Thạch Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Triệu Hoàng T có nơi cư trú ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Triệu H vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn Thạch Thị M vắng mặt có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thạch Thị M:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị M và ông Triệu Hoàng T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 09/2015 ngày 29/01/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị M và ông Triệu Hoàng T là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến thường hay cãi nhau và mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Thạch Thị M làm đơn khởi kiện đề xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà M, ông T đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông Triệu Hoàng T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Thạch Thị M, ông Triệu Hoàng T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Thạch Thị M xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Thạch Thị M và ông Triệu Hoàng T có hai người con chung là Triệu Hoàng T1, sinh ngày 16/12/2015 và Triệu Hoàng T2, sinh ngày 20/10/2017, bà Thạch Thị M yêu cầu được nuôi hai người con chung cho đến thành niên. Xét thấy, từ ngày bà M và ông T ly thân cho đến nay, người trực tiếp lo cho cháu T1 và cháu T2 là bà Thạch Thị M, bà M vẫn đảm bảo cuộc sống của các cháu và qua yêu cầu khởi kiện của bà M, ông T cũng không có ý kiến về việc nuôi con chung và để tránh cuộc sống của các cháu T1 và T2 xáo trộn khi cha mẹ ly hôn nên cần ổn định cuộc sống hiện tại cho các cháu. Do đó việc bà M yêu cầu được nuôi các cháu T1 và T2 đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà M và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu T1 và T2. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao các Triệu Hoàng T1, sinh ngày 16/12/2015 và Triệu Hoàng T2, sinh ngày 20/10/2017 cho bà Thạch Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng: Bà Thạch Thị M xác định đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung nên không yêu cầu ông Triệu Hoàng T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Tài sản chung: Bà Thạch Thị M và ông Triệu Hoàng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Thạch Thị M xác định không có và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Thạch Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Triệu Hoàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

*** Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Bà Thạch Thị M được ly hôn với ông Triệu Hoàng T.
- Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Thạch Thị M và ông Triệu Hoàng T là cháu Triệu Hoàng T1, sinh ngày 16/12/2015 và Triệu Hoàng T2, sinh ngày 20/10/2017 đến khi thành niên (hiện nay cháu T1 và T2 đang sống chung với bà M).

Ông Triệu Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các cháu T1 và cháu T2 mà không ai được cản trở. Ông Triệu Hoàng T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu T1 và cháu T2 của bà Thạch Thị M.

- Về cấp dưỡng: Bà Thạch Thị M không có yêu cầu ông T3 Hoàng Thân cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Thạch Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005619, ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Thạch Thị M đã thực hiện xong.

+ Ông Triệu Hoàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho đương sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ (P. Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và THA);
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- UBND xã Tài Văn;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA&TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Công Minh